

Số: 4925/QĐ-ĐHKHTN

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo (điều chỉnh)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy định về mở ngành và điều chỉnh chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1144/HD-ĐHQGHN ngày 03 tháng 04 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1855/QĐ-ĐHQGHN ngày 30 tháng 05 năm 2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc Ủy quyền kí điều chỉnh, cập nhật chương trình đào tạo tại Đại học Quốc gia Hà Nội (năm 2023);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo và Trưởng Khoa Địa lý.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Địa lý, mã số chuyên ngành đào tạo: 9900501.01QTD. *quy*

Điều 2. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Địa lý ban hành kèm theo Quyết định này được áp dụng cho nghiên cứu sinh từ khóa tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Điều 3. Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Khoa Địa lý, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. *quh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- ĐHQGHN (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT, HĐH06.



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

(Ban hành theo Quyết định số 4925/QĐ-ĐHKHTN ngày 26 tháng 12 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Tự nhiên)

NGÀNH: ĐỊA LÝ
CHUYÊN NGÀNH: ĐỊA LÝ
MÃ SỐ: 9900501.01QTD

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Địa lý
+ Tiếng Anh: Geography

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Địa lý
+ Tiếng Anh: Geography

- Mã số ngành/chuyên ngành đào tạo: 9900501.01QTD

- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

- Thời gian đào tạo: Thời gian đào tạo chuẩn trình độ tiến sĩ (tính từ ngày quyết định công nhận nghiên cứu sinh có hiệu lực tới thời điểm luận án được thông qua tại đơn vị chuyên môn) đối với người có bằng thạc sĩ là 03 năm, đối với người chưa có bằng thạc sĩ là 04 năm.

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Tiến sĩ Địa lý
+ Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Geography

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Địa lý có phẩm chất tư cách đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn cao, cả về về lý luận và thực tiễn với hệ phương pháp nghiên cứu hiện đại, cập nhật về địa lý, quản lý tài nguyên và môi trường, quy hoạch tổng thể lãnh thổ

Handwritten mark

và quy hoạch ngành, phục vụ phát triển tài nguyên, kinh tế-xã hội và môi trường các quy mô lãnh thổ; có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, giải quyết những vấn đề khoa học-công nghệ, tổ chức lãnh thổ, tài nguyên và môi trường hiện tại và trong tương lai cho phát triển bền vững; có khả năng chủ động triển khai những nhiệm vụ thực tiễn cả ở tầm vĩ mô và vi mô ở lĩnh vực nghiên cứu và quản lý nhà nước về lãnh thổ, tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế-xã hội; có năng lực nghiên cứu khoa học chuyên ngành và liên ngành; có khả năng phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo góp phần xây dựng và phát triển bền vững đất nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Về kiến thức:* Hiểu biết sâu sắc những kiến thức về lý luận và thực tiễn nghiên cứu Địa lý, quy hoạch và phát triển; kiến thức tổng hợp về quản lý lãnh thổ và bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn thiên nhiên; cập nhật được các kiến thức hiện đại; nắm bắt được những vấn đề cơ bản về địa lý, quy hoạch lãnh thổ, tài nguyên, môi trường Việt Nam và thực trạng quy hoạch, khai thác lãnh thổ, sử dụng tài nguyên, quản lý tài nguyên và môi trường. Nắm chắc được các phương pháp, công cụ và có khả năng giải quyết được các lĩnh vực chuyên sâu về địa lý, quản lý tài nguyên và môi trường, quy hoạch phát triển các khu vực/vùng lãnh thổ cụ thể như: vùng núi và cao nguyên, đồng bằng và trung du, lưu vực sông, đới bờ biển, biển và hải đảo..., cũng như các quy hoạch ngành có liên quan khác.

- *Về kỹ năng:* Nghiên cứu sinh được trang bị và đạt được những kỹ năng cứng, kỹ năng mềm theo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, trong đó đạt kỹ năng chuyên môn thành thạo trong thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu địa lý, quy hoạch và phát triển; ứng dụng công nghệ hiện đại trong dự báo, đánh giá hiện trạng và diễn biến tài nguyên môi trường, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội và các quy hoạch ngành khác; kỹ năng xây dựng cơ sở dữ liệu trong quản lý, quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên và môi trường, phát triển kinh tế-xã hội và con người; các kỹ năng trong quy hoạch, phát triển, quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

- *Về mức tự chủ và trách nhiệm:* Có khả năng phát hiện và giải quyết các vấn đề quy hoạch, quản lý lãnh thổ, quản lý phát triển kinh tế xã hội, sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai. Thực thi tốt những nhiệm vụ được đặt ra khi chủ trì hoặc tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp thuộc lĩnh vực địa lý, quy hoạch và phát triển. Có đủ năng lực trong quản lý nhà nước về lãnh thổ, tài nguyên - môi trường và kinh tế xã hội ở cấp trung ương và địa phương.

scub

3. Thông tin tuyển sinh

Thông tin tuyển sinh theo Quy chế, hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của ĐHQGHN, và đề án tuyển sinh của Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐHKHTN) được Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) phê duyệt.

3.1. Hình thức tuyển sinh:

Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN.

3.2. Đối tượng dự tuyển:

Người dự tuyển vào chương trình đào tạo (CTĐT) tiến sĩ chuyên ngành Địa lý, quy hoạch và phát triển tại Trường ĐHKHTN phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

- Về văn bằng: Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành/chuyên ngành phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành/chuyên ngành Địa lý, quy hoạch và phát triển. Trường hợp thí sinh phải học bổ sung kiến thức thì cần hoàn thành trước khi đăng ký dự tuyển. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Về ngoại ngữ: Người dự tuyển phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo là tiếng Anh, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Một trong các chứng chỉ tiếng Anh tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực tiếng Anh 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN công nhận.

- Về kinh nghiệm: Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu. Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc có bằng thạc sĩ ngành/chuyên ngành phù hợp nhưng phải học bổ sung kiến thức hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỳ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phân biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.



3.3. Danh mục ngành, chuyên ngành phù hợp và các học phần bổ sung kiến thức

- Danh mục các chuyên ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức:

+ Đối với đối tượng tốt nghiệp đại học chính quy loại Giỏi trở lên gồm các ngành/chuyên ngành: Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Quản lý tài nguyên thiên nhiên, Quản lý tài nguyên và môi trường, Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý, Khoa học thông tin địa không gian, Quản lý phát triển đô thị và bất động sản.

+ Đối với đối tượng có bằng thạc sĩ bao gồm các chuyên ngành: Địa lý tự nhiên, Địa lý học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Bản đồ viễn thám và hệ thống tin địa lý, Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

- Danh mục các chuyên ngành phù hợp (phải học bổ sung kiến thức): gồm các chuyên ngành: Địa chất học, Khoa học môi trường, Công nghệ môi trường, Khí tượng, Thủy văn học, Hải dương học, Quản lý đất đai, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Sinh thái học, Kinh tế phát triển,...

Đối với các trường hợp khác, tùy thuộc vào bảng điểm đại học và thạc sĩ của thí sinh, Khoa Địa lý xem xét và đề xuất trình Trường Đại học Khoa học Tự nhiên để báo cáo ĐHQGHN xem xét, phê duyệt.

- Danh mục các học phần bổ sung kiến thức tương ứng đối với ứng viên chưa có bằng Thạc sĩ và có bằng Cử nhân/Kỹ sư chuyên ngành phù hợp phải bổ sung kiến thức (Số học phần cụ thể do đơn vị đào tạo quyết định tùy thuộc vào bảng điểm của người dự tuyển, tối thiểu là 3 học phần).

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững	3
2	Địa lý vùng và các vùng kinh tế Việt Nam	3
3	Viễn thám và GIS ứng dụng	3
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học và đánh giá trong Địa lý	3
5	Đánh giá rủi ro và quản lý thiên tai	3
6	Địa lý học hiện đại	3
	Tổng	18

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh

Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh giai đoạn 2024 - 2025: 05 NCS/năm.

Từ năm 2025 trở đi, căn cứ vào nhu cầu xã hội và chỉ tiêu tuyển sinh của ĐHQGHN.

duy

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (PK-Program Knowledge)

PK1. Vận dụng được kiến thức triết học trong nghiên cứu khoa học và thực tiễn nghề nghiệp, cuộc sống; vận dụng được kiến thức ngoại ngữ trong giao tiếp và các hoạt động chuyên môn liên quan đến lĩnh vực địa lý, quy hoạch và nghiên cứu phát triển bền vững;

PK2. Phân tích và luận giải được các quy luật địa lý tự nhiên, hệ thống địa hệ; mối liên hệ giữa tự nhiên với các hoạt động kinh tế xã hội của con người theo không gian và thời gian; các vấn đề địa mạo và tai biến thiên nhiên theo các không gian lãnh thổ;

PK3. Vận dụng được các kiến thức liên ngành về tài nguyên, môi trường, bản đồ, viễn thám và GIS trong quy hoạch và phát triển lãnh thổ bền vững;

PK4. Đánh giá được một số vấn đề khoa học và thực tiễn về tương tác lãnh thổ - con người, con người – con người, sự biến đổi toàn cầu, và đưa ra giải pháp quản lý tổng hợp lãnh thổ với tư duy biện chứng.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (PS-Program Skill)

PS1. Áp dụng các công nghệ GIS, phần mềm thống kê trong thu thập, tổng hợp và phân tích định lượng, phân tích dữ liệu không gian về địa lý, quy hoạch và phát triển lãnh thổ, đáp ứng yêu cầu công việc;

PS2. Phối hợp các kiến thức tổng hợp và liên ngành về địa lý tự nhiên, địa lý nhân văn, địa mạo và cổ địa lý trong phân tích thông tin để đưa ra giải pháp trong quản lý tổng hợp, quy hoạch và phát triển lãnh thổ bền vững;

PS3. Tư duy và lập luận logic, truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực địa lý, quy hoạch và phát triển lãnh thổ;

PS4. Thiết kế, triển khai thực hiện và giải quyết các vấn đề trong dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ thuộc lĩnh vực địa lý, quy hoạch và phát triển lãnh thổ;

PS5. Sử dụng thành thạo ngoại ngữ để giao tiếp, tìm kiếm và trình bày vấn đề chuyên môn đạt chuẩn trình độ theo Khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam;

PS6. Linh hoạt làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, tổ chức, quản trị hoạt động nhóm và phát triển nhóm làm việc, đánh giá và cải tiến chất lượng công việc của nhóm; tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.

suu

3. Về mức tự chủ và trách nhiệm (PR-Program Responsibility)

PR1. Tự chủ trong học tập và nghiên cứu, đưa ra sáng kiến giải quyết vấn đề, bảo vệ quan điểm cá nhân và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn; sẵn sàng chịu trách nhiệm cá nhân trước tập thể;

PR2. Tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực hướng dẫn người khác trong các hoạt động chuyên môn;

PR3. Sẵn sàng lập kế hoạch, điều phối, quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực địa lý, quy hoạch và phát triển bền vững lãnh thổ;

PR4. Tác phong làm việc chuyên nghiệp, tuân thủ các chủ trương, chính sách, quy định của tổ chức; giữ vững nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và đạo đức xã hội.

4. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án.

- Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất là 03 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo tiến độ thực hiện nghiên cứu với đơn vị chuyên môn 06 tháng/lần trong thời gian thực hiện luận án.

- Cấu trúc luận án tiến sĩ phải đảm bảo tối thiểu các phần sau:

+ Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;

+ Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: Phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

+ Cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;

+ Kết luận và khuyến nghị được đưa ra từ các kết quả nghiên cứu của luận án.

- Danh mục các tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án; danh mục các công trình/bài báo đã công bố liên quan tới đề tài luận án của nghiên cứu sinh (kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả nếu có) và các phụ lục khác (nếu có).

- Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ.

- Luận án và tất cả các công trình nghiên cứu khoa học trước khi gửi xuất bản, công bố hoặc bảo vệ phải được kiểm tra sao chép, trùng lặp.

- Luận án tiến sĩ là một công trình khoa học tổng hợp kết quả nghiên cứu chính của tác giả đến thời điểm đề xuất được bảo vệ luận án tiến sĩ, được đánh máy khổ A4, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, và không quá 200 trang A4 đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên, kĩ thuật, công nghệ và không quá 300 trang đối với các lĩnh vực còn lại, không kể phức lục trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung của luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

5. Yêu cầu về số lượng và chất lượng của công trình khoa học sẽ công bố

Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng số điểm đạt từ 2,0 trở lên theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi công trình. Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (WoS/Scopus).

- Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và có tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành; hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện có mã ISSN.

- Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà sách xuất bản quốc tế có uy tín phát hành hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN. Trong tiêu chí này, có thể thay thế 01 bài báo/báo cáo quốc tế bằng 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp.

quh

6. Vị trí việc làm của người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Đối với hướng chuyên sâu địa lý, quy hoạch và phát triển, sau khi tốt nghiệp người học có thể đảm nhiệm tốt các vị trí trong các cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tổ chức lãnh thổ, đất đai, tài nguyên và môi trường (Bộ Kế hoạch – Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Phòng Tài nguyên và Môi trường), trong các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng, trong các công ty nhà nước và tư nhân về lĩnh vực địa lý, quy hoạch và phát triển. Người học có đủ năng lực đảm nhiệm vai trò chủ trì đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở theo hướng Địa lý, quy hoạch và phát triển, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai hoặc theo hướng ứng dụng.

Đối với hướng chuyên sâu địa mạo và cổ địa lý, nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhiệm các vị trí trong các cơ quan nghiên cứu/quản lý về tài nguyên và môi trường với lĩnh vực chuyên sâu về Địa mạo (Tổng cục Địa chất và khoáng sản; Tổng cục biển và hải đảo,... thuộc Bộ Tài nguyên và môi trường; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Phòng Tài nguyên và Môi trường); trong các viện, trung tâm nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng; đảm nhiệm vai trò Chủ trì đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Cơ sở theo hướng Địa mạo và cổ địa lí hoặc theo hướng ứng dụng.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự tìm tòi và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động thực tiễn tại cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp;

- Có khả năng tự học tập, tự nghiên cứu về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến Địa lý, quy hoạch và phát triển;

- Có khả năng tham gia các khóa học đào tạo sau tiến sĩ liên quan đến lĩnh vực Địa lý, Địa mạo và tai biến thiên nhiên, Quy hoạch và phát triển tại các cơ sở đào tạo trong nước và nước ngoài.

quy

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	97 tín chỉ, trong đó:
- Các học phần tiến sĩ:	9 tín chỉ
+ Bắt buộc:	6 tín chỉ
+ Tự chọn:	3/60 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	8 tín chỉ
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo:	
- Luận án tiến sĩ:	80 tín chỉ

1.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:	133 tín chỉ, trong đó:
- Học phần bổ sung:	36 tín chỉ
+ Bắt buộc:	18 tín chỉ
+ Tự chọn:	18/72 tín chỉ
- Các học phần tiến sĩ:	9 tín chỉ
+ Bắt buộc:	6 tín chỉ
+ Tự chọn:	3/9 tín chỉ
- Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH:	8 tín chỉ
- Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng, hỗ trợ đào tạo:	
- Luận án tiến sĩ:	80 tín chỉ

Cách tính tín chỉ và giờ học tập trong chương trình đào tạo:

- Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá.

- Đối với hoạt động dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện 15 giờ lý thuyết hoặc 30 giờ thực hành hoặc 90 giờ tự học.

- Giờ học tập của mỗi học phần được chia thành 3 loại:

+ Lý thuyết: mỗi giờ lý thuyết trên lớp cần có 2 giờ tự học.

+ Thực hành: bao gồm các hoạt động thực hành, thí nghiệm, bài tập, thảo luận... Mỗi 2 giờ thực hành cần có 1 giờ tự học.

+ Tự học: giờ tự học bao gồm các giờ tự học cho hoạt động học lý thuyết, học thực hành, thực tập, tự nghiên cứu, thực hiện ôn tập và kiểm tra đánh giá. Tổng số giờ tự học của học phần được tính bằng công thức:

$$\text{Số tín chỉ} \times 50 - \text{Số giờ lý thuyết} - \text{Số giờ thực hành}$$

- Mỗi giờ học tập được tính trong thời gian 50 phút.

quy

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Các học phần tiên sĩ	9				
I.1		Bắt buộc	6				
1	GEO8183	Những vấn đề địa lý học hiện đại <i>Issues of Modern Geography</i>	3	15	30	105	
2	GEO8184	Địa lý học trong quy hoạch và phát triển <i>Geography for Planning and Development</i>	3	15	30	105	
I.2		Tự chọn	3/60				
I.2.1		Hướng chuyên sâu Địa lý học và du lịch	3/15				
3	GEO8185	Các tư tưởng địa lý nhân văn <i>Human Geography Ideas</i>	3	15	30	105	
4	GEO8186	Địa lý du lịch và quản lý di sản <i>Tourism Geography and Heritage Management</i>	3	15	30	105	
5	GEO8187	Thiết kế dự án nghiên cứu <i>Research Project Design</i>	3	15	30	105	
6	GEO8188	Tri thức bản địa và quản lý bền vững tài nguyên <i>Local Knowledge and Sustainable Resource Management</i>	3	15	30	105	
7	GEO8100	Quy hoạch du lịch và sự bền vững <i>Tourism Planning and Sustainability</i>	3	15	30	105	
I.2.2		Hướng chuyên sâu Quản lý tổng hợp lãnh thổ và bảo tồn thiên nhiên	3/9				
8	GEO8101	Các tư tưởng về cảnh quan học và sinh thái cảnh quan <i>Thoughts of Landscape Science and Landscape Ecology</i>	3	15	30	105	
9	GEO8102	Các phương pháp đánh giá trong địa lý <i>Methods for Geographic Evaluation</i>	3	15	30	105	
10	GEO8103	Địa lý tài nguyên và môi trường Việt Nam <i>Resource and Environmental Geography of Vietnam</i>	3	15	30	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
11	GEO8104	Địa mạo trong quản lý tài nguyên, môi trường và tai biến thiên nhiên <i>Geomorphology in Resource, Environmental and Natural Hazards Management</i>	3	15	30	105	
12	GEO8105	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên <i>Biodiversity and Nature Conservation</i>	3	15	30	105	
I.2.3		<i>Hướng chuyên sâu Địa mạo và tai biến thiên nhiên</i>	3/15				
13	GEO8106	Những vấn đề địa mạo nhiệt đới <i>Issues of Tropical Geomorphology</i>	3	10	60	80	
14	GEO8107	Đánh giá tai biến thiên nhiên và rủi ro môi trường <i>Natural Hazards and Environmental Risks and Assessment</i>	3	15	30	105	
15	GEO8109	Những vấn đề địa mạo đồng bằng và trung du <i>Issues of Plain and Midland Geomorphology</i>	3	15	40	95	
16	GEO8110	Những vấn đề địa mạo miền núi và cao nguyên <i>Issues of Mountainous and Plateau Geomorphology</i>	3	15	30	105	
17	GEO8111	Những vấn đề địa mạo biển và hải đảo <i>Issues of Marine and Islands Geomorphology</i>	3	15	30	105	
I.2.4		<i>Hướng chuyên sâu quy hoạch và phát triển</i>	3/15				
18	GEO8113	Lý thuyết Quy hoạch và phát triển nâng cao <i>Advanced Theories of Planning and Development</i>	3	15	30	105	
19	GEO8114	Phân tích chính sách quy hoạch và phát triển ở Việt Nam <i>Analysis of Planning and Development Policies in Vietnam</i>	3	15	30	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
20	GEO8115	Quy hoạch đô thị sinh thái và bền vững <i>Ecological and Sustainable Urban Planning</i>	3	15	30	105	
21	GEO8116	Phát triển bền vững đô thị và nông thôn <i>Urban and Rural Sustainable Development</i>	3	15	30	105	
22	GEO8117	Quy hoạch không gian và phát triển bền vững <i>Spatial Planning and Sustainable Development</i>	3	15	30	105	
II		Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan và NCKH					
II.1		Chuyên đề NCS	6				
23	GEO8118	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	5	0	95	
24	GEO8119	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	5	0	95	
25	GEO8120	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	5	0	95	
II.2		Tiểu luận tổng quan	2				
26	GEO8121	Tiểu luận tổng quan <i>Overview Essay</i>	2	5	0	95	
II.3		Nghiên cứu khoa học					
27		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
III		Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo					
28		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định					
IV		Luận án					
29	GEO8903	Luận án tiến sĩ <i>Doctor Thesis</i>	80	30	120	3850	
		Tổng cộng	97				

2.2. Đối với NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I		Học phần bổ sung	36				
I.1		Các học phần bắt buộc	18				
1	PHI5001	Triết học <i>Philosophy</i>	3	42	6	102	
2	GEO5203	Tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững <i>Natural Resource, Environment and Sustainable Development</i>	3	30	30	90	
3	GEO6170	Địa lý vùng và các vùng kinh tế Việt Nam <i>Regional Geography and Economic Regions in Vietnam</i>	3	30	20	100	
4	GEO5140	Viễn thám và GIS ứng dụng <i>Applied Remote Sensing and GIS</i>	3	20	40	90	
5	GEO5141	Quy hoạch và quản trị không gian <i>Spatial Planning and Governance</i>	3	20	40	90	
6	GEO5201	Phương pháp nghiên cứu khoa học và đánh giá trong Địa lý <i>Research Methods and Evaluation in Geography</i>	3	30	30	90	
I.2		Các học phần tự chọn	18/87				
I.2.1		Lựa chọn 3 học phần kiến thức cơ sở	9/24				
7	GEO5143	Phân tích chính sách và Quản lý <i>Policy Analysis and Management</i>	3	30	30	90	
8	GEO5144	Dân số và phát triển <i>Population and Development</i>	3	30	30	90	
9	GEO5126	Đánh giá rủi ro và quản lý thiên tai <i>Risk Assessment and Disaster Management</i>	3	20	50	80	
10	GEO5215	Sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường <i>Natural Resources Rational use and Environment Conservation</i>	3	30	30	90	
11	GEO5128	Địa lý học hiện đại <i>Modern Geography</i>	3	30	30	90	
12	GEO5214	Bản đồ học nâng cao <i>Advanced Cartography</i>	3	25	40	85	
I.2.2		Hướng chuyên sâu Địa lý học và Du lịch	9/15				
13	GEO5145	Địa lý xã hội nâng cao <i>Advanced Social Geography</i>	3	20	50	80	

2024

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14	GEO5146	Địa lý văn hóa và Du lịch <i>Cultural Geography and Tourism</i>	3	30	30	90	
15	GEO5147	Du lịch bền vững <i>Sustainable Tourism</i>	3	30	30	90	
16	GEO5148	Quản lý điểm đến <i>Destination Management</i>	3	30	30	90	
17	GEO5149	Tổ chức lãnh thổ du lịch <i>Regional Tourism Organization</i>	3	30	30	90	
I.2.3		<i>Hướng chuyên sâu Quản lý tổng hợp lãnh thổ và bảo tồn thiên nhiên</i>	9/12				
18	GEO5150	Sinh thái cảnh quan và bảo tồn thiên nhiên <i>Advanced Landscape Ecology and Nature Conservation</i>	3	20	30	100	
19	GEO5151	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên và đánh giá tác động môi trường <i>Economics of Natural Resource and EIA</i>	3	20	30	100	
20	GEO6130	Địa lý tài nguyên đất và tài nguyên sinh vật <i>Geography of Soil and Biological Resources</i>	3	20	30	100	
21	GEO6165	Hệ sinh thái đất ngập nước ven biển <i>Coastal Water Ecosystem</i>	3	20	30	100	
I.2.4		<i>Hướng chuyên sâu Địa mạo và tai biến thiên nhiên</i>	9/12				
22	GEO5152	Công nghệ viễn thám và GIS trong nghiên cứu địa mạo và tai biến thiên nhiên <i>Remote Sensing and GIS in Study of Geomorphology and Natural Hazards</i>	3	15	60	75	
23	GEO5153	Địa mạo và tai biến thiên nhiên Việt Nam <i>Issues of Geomorphology and Natural Hazards in Vietnam</i>	3	20	50	80	
24	GEO5156	Các phương pháp đánh giá trong địa mạo <i>Assessment Methods in Geomorphology</i>	3	20	50	80	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
25	GEO5157	Địa mạo trong tìm kiếm khoáng sản và nguồn năng lượng mới <i>Geomorphology in Searching Minerals and Renewable Energy Sources</i>	3	20	50	80	
I.2.5		<i>Hướng chuyên sâu Quy hoạch và Phát triển</i>	9/12				
26	GEO6005	Dự báo và quản lý tài nguyên thiên nhiên <i>Forecasting and Management of Natural Resources</i>	3	25	30	95	
27	GEO5159	Quy hoạch sử dụng đất cho phát triển bền vững <i>Land Use Planning for Sustainable Development</i>	3	25	40	85	
28	GEO5160	Quy hoạch, chính sách và phát triển <i>Planning, Policy, and Development</i>	3	25	40	85	
29	GEO5161	Quy hoạch vùng và Đô thị <i>Urban and Regional Planning</i>	3	25	40	85	
II		Các học phần tiên sĩ	9				
II.1		Bắt buộc	6				
30	GEO8183	Những vấn đề địa lý học hiện đại <i>Issues of Modern Geography</i>	3	15	30	105	
31	GEO8184	Địa lý học trong quy hoạch và phát triển <i>Geography for Planning and Development</i>	3	15	30	105	
II.2		Tự chọn	3/60				
II.2.1		<i>Hướng chuyên sâu Địa lý học và du lịch</i>	3/15				
32	GEO8185	Các tư tưởng địa lý nhân văn <i>Human Geography Ideas</i>	3	15	30	105	
33	GEO8186	Địa lý du lịch và quản lý di sản <i>Tourism Geography and Heritage Management</i>	3	15	30	105	
34	GEO8187	Thiết kế dự án nghiên cứu <i>Research Project Design</i>	3	15	30	105	
35	GEO8188	Tri thức bản địa và quản lý bền vững tài nguyên <i>Local Knowledge and Sustainable Resource Management</i>	3	15	30	105	
36	GEO8100	Quy hoạch du lịch và sự bền vững <i>Tourism Planning and Sustainability</i>	3	15	30	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II.2.2		<i>Hướng chuyên sâu Quản lý tổng hợp lãnh thổ và bảo tồn thiên nhiên</i>	3/9				
37	GEO8101	Các tư tưởng về cảnh quan học và sinh thái cảnh quan <i>Thoughts of Landscape Science and Landscape Ecology</i>	3	15	30	105	
38	GEO8102	Các phương pháp đánh giá trong địa lý <i>Methods for Geographic Evaluation</i>	3	15	30	105	
39	GEO8103	Địa lý tài nguyên và môi trường Việt Nam <i>Resource and Environmental Geography of Vietnam</i>	3	15	30	105	
40	GEO8104	Địa mạo trong quản lý tài nguyên, môi trường và tai biến thiên nhiên <i>Geomorphology in Resource, Environmental and Natural Hazards Management</i>	3	15	30	105	
41	GEO8105	Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên <i>Biodiversity and Nature Conservation</i>	3	15	30	105	
II.2.3		<i>Hướng chuyên sâu Địa mạo và tai biến thiên nhiên</i>	3/15				
42	GEO8106	Những vấn đề địa mạo nhiệt đới <i>Issues of Tropical Geomorphology</i>	3	10	60	80	
43	GEO8107	Đánh giá tai biến thiên nhiên và rủi ro môi trường <i>Natural Hazards and Environmental Risks and Assessment</i>	3	15	30	105	
44	GEO8109	Những vấn đề địa mạo đồng bằng và trung du <i>Issues of Plain and Midland Geomorphology</i>	3	15	40	95	
45	GEO8110	Những vấn đề địa mạo miền núi và cao nguyên <i>Issues of Mountainous and Plateau Geomorphology</i>	3	15	30	105	
46	GEO8111	Những vấn đề địa mạo biển và hải đảo <i>Issues of Marine and Islands Geomorphology</i>	3	15	30	105	
II.2.4		<i>Hướng chuyên sâu quy hoạch và phát triển</i>	3/15				
47	GEO8113	Lý thuyết Quy hoạch và phát triển nâng cao <i>Advanced Theories of Planning and Development</i>	3	15	30	105	

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ học tập			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
48	GEO8114	Phân tích chính sách quy hoạch và phát triển ở Việt Nam <i>Analysis of Planning and Development Policies in Vietnam</i>	3	15	30	105	
49	GEO8115	Quy hoạch đô thị sinh thái và bền vững <i>Ecological and Sustainable Urban Planning</i>	3	15	30	105	
50	GEO8116	Phát triển bền vững đô thị và nông thôn <i>Urban and Rural Sustainable Development</i>	3	15	30	105	
51	GEO8117	Quy hoạch không gian và phát triển bền vững <i>Spatial Planning and Sustainable Development</i>	3	15	30	105	
III		Chuyên đề NCS, tiểu luận tổng quan, và NCKH					
III.1		Chuyên đề NCS	6				
52	GEO8118	Chuyên đề 1 <i>Special Topics 1</i>	2	5	0	95	
53	GEO8119	Chuyên đề 2 <i>Special Topics 2</i>	2	5	0	95	
54	GEO8120	Chuyên đề 3 <i>Special Topics 3</i>	2	5	0	95	
III.2		Tiểu luận tổng quan	2				
55	GEO8121	Tiểu luận tổng quan <i>Overview Essay</i>	2	5	0	95	
III.3		Nghiên cứu khoa học					
56		NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.					
IV		Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo					
57		Đơn vị chuyên môn lên lịch sinh hoạt chuyên môn và lịch cho từng NCS báo cáo, trình bày kết quả hoạt động chuyên môn của mình tại seminar do đơn vị chuyên môn tổ chức trong từng năm học. NCS phải tham gia đầy đủ các seminar khoa học hoặc các hội nghị, hội thảo do đơn vị chuyên môn tổ chức, quy định.					
V		Luận án					
58	GEO8903	Luận án tiến sĩ <i>Doctor Thesis</i>	80	30	120	3850	
		Tổng cộng	133				

suul